

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 05-01-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Lê Hưng

2. Bà Phạm Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2021/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết T – Chuyên viên.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T.

Địa chỉ trụ sở: Đường X1, phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo Pháp luật: Bà Nguyễn Hồng D – Giám đốc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phan Thanh H, sinh năm: 1972

2/ Bà Nguyễn Hồng D, sinh năm: 1981

Cùng địa chỉ: Đường X2, phường Y2, quận Z2, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T, ông H và bà D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2020 và tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T đã lập hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – chi nhánh Sài Gòn theo các Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EPL/17/0047/HDHM ngày 28/4/2017, hạn mức vay : 2.200.000.000 đồng, và Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/18/0094/HDHM ngày 28/8/2018, hạn mức vay : 2.700.000.000 đồng. Cụ thể theo các Khế ước nhận nợ số SME/EPL/18/0094/HDMB-01 ngày 28/8/2018; SME/EPL/18/0094/HDMB-02 ngày 09/10/2018; SME/EPL/18/0094/HDMB-03 ngày 15/11/2018; SME/EPL/18/0094/HDMB-04 ngày 19/12/2018 và SME/EPL/18/0047/HDMB-05 ngày 09/3/2018 thì số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/01/2022 gồm: Nợ gốc: 2.382.966.214 đồng; nợ lãi: 2.474.781.379 đồng, tổng cộng là : 4.857.747.593 đồng.

Các khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Hồng D và ông Phan Thanh H theo các hợp đồng bảo lãnh số: SME/EPL/17/0047/HDBL ngày 28/4/2017; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EPL/18/094/HDBL.01 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/EPL/18/0094/HDBL.02 ngày 28/8/2018. Trong quá trình sử dụng vốn vay Công ty TNHH Thương mại T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết mặc dù VPBank đã nhiều lần liên hệ làm việc, gọi điện thoại đôn đốc tạo điều kiện thuận lợi nhưng phía công ty TNHH T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài khoản nợ trên Công ty TNHH Thương mại T còn mở thêm thẻ tín dụng, căn cứ theo Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ngày 21/6/2017. Về dư nợ thẻ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chỉ yêu cầu thanh toán số tiền là 40.207.664 đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú:

1/ Buộc Công ty TNHH Thương mại T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 05/01/2022 là: 4.897.955.257 đồng.

2/ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/01/2022 theo mức lãi suất quy định trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

3/ Trường hợp Công ty TNHH Thương mại T không thanh toán số tiền nợ trên thì đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng D và ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T có người đại diện theo Pháp luật là bà Nguyễn Hồng D trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T xác nhận Công ty có nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo các Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EPL/17/0047/HDHM ngày 28/4/2017, Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/18/0094/HDHM ngày 28/8/2018 và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 21/6/2017 số tiền tạm tính đến ngày 05/01/2022 là 4.897.955.257 đồng, trong đó nợ gốc: 2.382.966.214 đồng; nợ lãi: 2.474.781.379 đồng và nợ thẻ là 40.207.664 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T đồng ý thanh toán số tiền nợ trên, tuy nhiên do tình hình kinh tế khó khăn, dịch bệnh nên phía Công ty gặp khó khăn không mua bán được gì, không có thu nhập nên không thanh toán cho Ngân hàng theo đúng hạn nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho công ty trả số tiền nợ trên theo hướng Công ty TNHH T chỉ trả số tiền nợ gốc và mỗi tháng trả cho Ngân hàng 20.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng D và ông Phan Thanh Hải cùng trình bày :

Thông nhất Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm tính đến ngày 05/01/2022 là nợ gốc: 2.382.966.214 đồng; nợ lãi: 2.474.781.379 đồng và nợ thẻ là 40.207.664, tổng cộng là 4.897.955.257 đồng.

Do tình hình dịch bệnh kinh tế khó khăn nên xin Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tạo điều kiện cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T chỉ trả số tiền nợ gốc và mỗi tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc trên.

Nếu trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không thanh toán được số tiền nợ trên thì ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Hồng D đồng ý có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ông Nguyễn Viết Tuấn trình bày: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải thanh toán một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 05/1/2022 là 4.897.955.257 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T còn phải thanh toán tiền nợ lãi phát sinh sau ngày 05/01/2022 cho đến khi công ty trả hết số tiền nợ trên. Nếu Công ty TNHH Thương mại T không thanh toán số tiền nợ trên thì đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng D và ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T có bà Nguyễn Hồng D trình bày : Thông nhất số tiền còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tính đến ngày 05/01/2022 là 4.897.955.257

đồng. Trong quá trình vay vốn thì phía công ty gặp nhiều khó khăn trong việc kinh doanh nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến nay do tình hình dịch bệnh khó khăn, công ty không còn sản xuất kinh doanh nữa nên đề nghị phía Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty chỉ thanh toán tiền nợ gốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Hồng D cùng trình bày : Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T không trả nợ cho Ngân hàng thì ông Hải và bà D đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký. Bà D và ông H đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho thanh toán tiền nợ gốc mỗi tháng là 12.000.000 đồng, trong đó bà D trả mỗi tháng 2.000.000 đồng và ông H trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định như: Đây là vụ án có đối tượng tranh chấp là quan hệ hợp đồng tín dụng, Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với qui định của pháp luật về thẩm quyền và thời hiệu.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS 2015

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS.

Trình tự thụ lý vụ án: Ngày 20/10/2020 Ngân hàng TMCP A nộp đơn khởi kiện cho Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Ngày 06/11/2020 nguyên đơn đóng tạm ứng án phí theo Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án cùng ngày Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án số 83/2020/TB-TLVA. Ngày 27/4/2021 Tòa án ban hành Thông báo vụ án dân sự do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ số 83 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2021/QĐXXST-KDTM, vụ án được xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/5/2021.

Như vậy Tòa án đã thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Trễ hạn 02 tháng 21 ngày.

Thời hạn gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định tại các Điều 239, 241, 254 của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định tại các Điều 236, Điều 237, Điều 239 BLTTDS.

* Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi: Nhận thấy giữa Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH thương mại T có ký Hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) theo các hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EPL/17/0047/HDHM ngày 28/4/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số

SME//EPL/18/0094/HDHM ngày 28/8/2018; Với các Khế ước nhận nợ số SME/EPL/18/0094/HDMB-01 ngày 28/8/2018; SME/EPL/18/0094/HDMB-02 ngày 09/10/2018; SME/EPL/18/0094/HDMB-03 ngày 15/11/2018; SME/EPL/18/0094/HDMB-04 ngày 19/12/2018 và SME/EPL/18/0047/HDMB-05 ngày 09/3/2018. Cụ thể

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EPL/17/0047/HDHM ngày 28/4/2017 có nội dung:

- Hạn mức cho vay: 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sắt thép
- Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng. Trong thời hạn 12 tháng bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mỗi lần vay vốn các bên sẽ ký kết một Khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay vốn từng lần mà bên Ngân hàng cấp cho bên vay.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EPL/18/0094/HDHM ngày 28/8/2018 có nội dung:

- Hạn mức cho vay: 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh bán buôn sắt thép
- Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng. Trong thời hạn 12 tháng bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay. Mỗi lần vay vốn các bên sẽ ký kết một Khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay vốn từng lần mà bên Ngân hàng cấp cho bên vay. Lãi suất được giữ cố định trong vòng 03 tháng sau đó sẽ điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 11,4%/năm. Khi đến kỳ điều chỉnh Ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh theo nội dung đã thỏa thuận.

Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng và Công ty T ký khế ước nhận nợ như sau : Khế ước nhận nợ số SME/EPL/18/0094/HDMB-01 ngày 28/8/2018, Số tiền vay : 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, Lãi suất : 18.5%/năm. Lãi suất được tính theo năm (365 ngày); Khế ước nhận nợ SME/EPL/18/0094/HDMB-02 ngày 09/10/2018, Số tiền vay : 329.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất : 18.9%/năm, lãi suất được tính theo năm (365 ngày); Khế ước nhận nợ SME/EPL/18/0094/HDMB-03 ngày 15/11/2018, số tiền vay : 373.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất : 19%/năm. Lãi suất được tính theo năm (365 ngày); Khế ước nhận nợ SME/EPL/18/0094/HDMB-04 ngày 19/12/2018, số tiền vay : 339.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất : 19,5%/năm, lãi suất được tính theo năm (365

ngày); Khế ước nhận nợ SME/EPL/18/0047/HDMB-05 ngày 09/3/2018, số tiền vay: 786.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất : 19.4%/năm. Lãi suất được tính theo năm (365 ngày)

Ngoài các Khế ước nhận nợ trên Công ty T còn mở thêm thẻ tín dụng căn cứ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 21/6/2017 số 352602.

Các Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ và Hợp đồng bảo lãnh ký kết giữa Ngân hàng, Công ty T và bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh Hải thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn và bị đơn (người đại diện theo pháp luật đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng D) cùng ông Phan Thanh Hải đều thống nhất về số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể:

- Nợ gốc: 2.382.966.214 đồng,
- Nợ lãi: 2.474.781.379 đồng.
- Dư nợ Thẻ tín dụng: 40.207.664 đồng.
- Tổng cộng là 4.897.955.257 đồng.

Công ty T nêu lý do kinh doanh khó khăn do dịch bệnh, đề nghị phương án trả nợ gốc với số tiền 12.000.000/tháng nhưng không được Ngân hàng đồng ý. Nhận thấy việc kéo dài thời gian không thực hiện việc thanh toán nợ là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận.

Về yêu cầu chịu trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh :

Trong trường hợp Công ty T không thanh toán được số nợ trên thì đề nghị ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Hồng D phải liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh mà ông H, bà D đã cam kết.

Giữa Ngân hàng và ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Hồng D ký kết hợp đồng bảo lãnh SME/EPL/17/0047/HĐBL ngày 28/4/2017; Hợp đồng BL số SME/EPL /18/0094/HĐBL.01 ngày 28/8/2018; HĐ bảo lãnh số SME/EPL/18/0094/HĐBL.02 ngày 28/8/2018; .Các Khế ước nhận nợ này có nội dung : “ Bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng ... và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa bên bảo lãnh và bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan” Việc Ngân hàng yêu cầu: Trong trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bà D, ông H thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ trên thay cho Công ty T theo Hợp đồng bảo lãnh SME /EPL/17/0047/HĐBL ngày 28/4/2017; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EPL/18/0094/HĐBL.01 ngày 28/8/2018; HĐ bảo lãnh số

SME/EPL/18/0094/HĐBL.02 ngày 28/8/2018 là phù hợp với Điều 335, khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015 nên có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các quy định của pháp luật về quan hệ dân sự, quan hệ hợp đồng tín dụng, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

+ Căn cứ Điều 335, khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Công ty TNHH thương mại T phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phát sinh trong quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh và hai bên có đăng ký kinh doanh, do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T có địa chỉ trụ sở tại phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 05/01/2022 là: 4.897.955.257 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn phát sinh từ ngày 06/01/2022 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng:

Xét các Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EPL/17/0047/HDHM ngày 28/4/2017, Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/18/0094/HDHM ngày 28/8/2018 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T thể hiện sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký đại diện hợp pháp và đóng dấu của các bên, nội dung và hình thức của Hợp đồng không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385 và 401 của Bộ luật dân sự.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T đã nhận số tiền vay theo các Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1/ Khế ước nhận nợ lần 1 số SME/EPL/18/0094/HDMB-01 ngày 28/8/2018: Số tiền nhận nợ: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay trong hạn: 18.5%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần.

2/ Khế ước nhận nợ lần 2 số SME/EPL/18/0094/HDMB-02 ngày 09/10/2018: Số tiền nhận nợ: 329.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay trong hạn: 18.9%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần.

3/ Khế ước nhận nợ lần 3 số SME/EPL/18/0094/HDMB-03 ngày 15/11/2018: Số tiền nhận nợ: 373.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay trong hạn: 19%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần.

4/ Khế ước nhận nợ lần 4 số SME/EPL/18/0094/HDMB-04 ngày 19/12/2018: Số tiền nhận nợ: 339.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay trong hạn: 19.5%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần.

5/ Khế ước nhận nợ lần 5 số SME/EPL/18/0047/HDMB-05 ngày 09/3/2018: Số tiền nhận nợ: 786.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay trong hạn: 19.4%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Xét thỏa thuận lãi suất trong các hợp đồng tín dụng: Tại thời điểm ký kết các hợp đồng tín dụng, căn cứ theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 14/2012/TT-NHNN ngày 04/5/2012 và Thông tư số 12/2010/TTNHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã quy định về việc cho phép các tổ chức tín dụng được phép thỏa thuận lãi suất cho vay với các khách hàng. Do vậy lãi suất vay trong hợp đồng là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi nhận các khoản tiền vay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ về quá trình trả nợ, quá trình sử dụng thẻ và tại phiên tòa người đại diện theo

pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T bà Nguyễn Hồng D xác nhận, thể hiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, không thực hiện việc thanh toán gốc và lãi đúng hạn. Xét, các tài liệu do ngân hàng cung cấp về quá trình trả nợ, các Khế ước nhận nợ, bảng sao kê tài khoản thẻ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định tính đến ngày 05/01/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền là 4.897.955.257 đồng. Xét thấy việc ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Tân Phú yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi và tiền nợ thẻ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T bà Nguyễn Hồng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H thừa nhận toàn bộ số nợ nêu trên và đồng ý trả nợ, tuy nhiên đề nghị trả dần vào nợ gốc mỗi tháng 12.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Bên cạnh đó, căn cứ vào Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng cho vay hạn mức đã ký kết giữa các bên thì bên vay phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 4.897.955.257 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/01/2022 theo mức lãi suất quy định trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Về yêu cầu buộc bà Nguyễn Hồng D và ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T không thanh toán số tiền nợ trên :

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EPL/17/0047/HDBL ngày 28/4/2017; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EPL/18/094/HDBL.01 và hợp đồng bảo lãnh số : SME/EPL/18/0094/HDBL.02 ngày 28/8/2018 được ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn với ông Phan Thanh Hải và bà Nguyễn Hồng D thể hiện nội dung ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Hồng D đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EPL/17/0047/HDHM ngày 28/4/2017, Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/18/0094/HDHM ngày 28/8/2018 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm. Theo khoản 2 Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh số : SME/EPL/17/0047/HDBL ngày 28/4/2017, điểm a, b khoản 1 Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh số :

SME/EPL/18/0094/HDBL.01 thì toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự trong các Hợp đồng bảo lãnh này là phù hợp với các quy định tại Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật dân sự năm 2015, do đó các Hợp đồng bảo lãnh trên có hiệu lực pháp luật và các bên ký kết có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ vào Điều 339 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Hồng D và ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T, không thanh toán số tiền nợ trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của Pháp luật và nội dung vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 4.897.955.257 (bốn tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi bảy) đồng, do đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải chịu án phí là 112.897.955 (Một trăm mười hai triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 54.111.100 (năm mươi bốn triệu một trăm mười một nghìn một trăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0071281 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, 336, 338, 339, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 05/01/2022 là 4.897.955.257 (Bốn tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi bảy) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EPL/17/0047/HDHM ngày 28/4/2017 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/18/0094/HDHM ngày 28/8/2018 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Thời hạn thi hành: Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[2]. Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nợ trên thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng D và ông Phan Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải nộp án phí là 112.897.955 (Một trăm mười hai triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 54.111.100 (năm mươi bốn triệu một trăm mười một nghìn một trăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0071281 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Tô Thị Ngọc Phượng

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người

được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA